

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 378/2022/DS-PT
Ngày 12-12-2022
V/v tranh chấp về đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T. Địa chỉ trụ sở chính: Số 418, Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số 69/9A, đường 48, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 02/2022/UQ-TT ngày 02/3/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Số 133 ấp C, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đ (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đ). Địa chỉ trụ sở chính: Số 133 Ấp C, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ: Ông Nguyễn Văn Đ
– Chủ tịch Hội đồng quản trị. (có mặt).

- *Người kháng cáo: Công ty Cổ phần T là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần T do ông Nguyễn Xuân L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ giấy quyết toán tạm thì Công ty T còn nợ Công ty Đ là 1,3 tỷ đồng vào ngày 08/3/2020. Từ đó, gia đình bà Thủy gồm: Bà T, ông Đ và anh Phương (con của bà Thủy) đến trang trại của ông T ở ấp C, xã Đ, huyện Đức Hòa để gây áp lực đòi tiền nên ngày 24/3/2020, ông T đại diện Công ty T đã thanh toán nhằm cho cá nhân bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 250.000.000đồng. Thực tế Công ty T không mua đất bà T nhưng Phiếu chi ngày 24/3/2020 của Ngân hàng ABC có ghi rõ nội dung là: Thanh toán trả tiền mua đất. Do vậy bà T được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nên phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất tiền gửi của Ngân hàng ACB quy định, tiền lãi tính từ ngày 24/3/2020 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là 850 ngày, tiền lãi là 37.700.000đồng. Tổng cộng Công ty T yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T trả lại 287.700.000đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn Công ty T giữ yêu cầu xin rút lại yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Lệ T trả tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh chung của Công ty Cổ phần Đ với Công ty Cổ phần T nhưng bà Nguyễn Thị Lệ T đã dùng để trả nợ vay cá nhân với số tiền 418.871.500đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Đối với yêu cầu của Công ty T đòi bà Nguyễn Thị Lệ T phải trả lại 250.000.000đồng do chuyển nhằm cho bà T vào ngày 24/3/2020, bà T có ý kiến như sau:

Từ năm 2014 đến năm 2019, cá nhân vợ chồng bà T và ông Nguyễn Văn Đ có mua lại trữ lượng đất tận thu từ mỏ đất của Hàm Q. Cụ thể, tại Giấy ủy quyền số 084/UQ.2014 ngày 15/8/2014 của Công ty TNHH Q do ông Hồ Ngọc Hạnh làm Chủ tịch - Hội đồng, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ được toàn quyền liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục xin phép, nộp tiền và khai thác đất tận thu nạo vét tại Hàm Q. Sau khi được cấp giấy phép, đây là tài sản của cá nhân bà T với ông Đ nên vợ chồng bà T có thuê bãi chứa đất tại ấp B, xã T (gần Hàm Q) để chứa đất. Số lượng đất dự trữ trên vợ chồng bà bán lại cho nhiều cá nhân, tổ chức khác như Công ty Trần Anh, Công ty Công Minhvà trong các năm 2015, 2016, 2017 vợ chồng bà cũng có bán cho ông T đại diện Công ty Cổ phần T mua đất.

Đến năm 2019, ông T đại diện Công ty T tiếp tục mua đất trữ này đem san lấp cho Khu công nghiệp Đức Hòa III. Vì chỗ thân quen, từng hợp tác làm ăn chung từ năm 2009 nên khi thỏa thuận mua bán đất san lấp với số lượng ít, ông

T chỉ cần điện thoại sau đó đưa xe ben đến chở đi mà không làm hợp đồng. Từ đó, trong năm 2019, khi Công ty T mua hàng (qua điện thoại), bên bà T đồng ý giao cho ông T đại diện Công ty T đến lấy đất là 261 xe ben. Giá tiền mỗi xe đất khoảng 950.000đ/1 xe ben, hai bên thỏa thuận chỉ ghi phiếu và ghi số xe, hàng tuần hai bên tổng kết số lượng xe ben đến lấy đất.

Đến ngày 24/3/2020, bà Nguyễn Thị Lệ T có đòi tiền nợ 261 xe đất và được Công ty T đồng ý chuyển số tiền 250.000.000đồng theo Phiếu chi ngày 24/3/2020 của Ngân hàng ABC. Do đó, nay bà T xác định đây là tiền Công ty T thanh toán tiền mua 261 xe đất tương ứng với số tiền 250.000.000đồng. Sau một thời gian, giữa Công ty Đ với Công ty T có tranh chấp số tiền hùn vốn kinh doanh từ năm 2009, Công ty T mới cho rằng vào ngày 24/3/2020 Công ty T có chuyển nhằm số tiền 250.000.000đồng là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Đ do ông Nguyễn Văn Đ đại diện trình bày:

Từ năm 2008, ông Nguyễn Văn Đ đại diện Công ty Đ có hợp tác kinh doanh khai thác đất san lấp Hàm Q với Công ty T do ông Nguyễn Văn T đại diện và lấy pháp nhân của Công ty Đ để hoạt động. Đến cuối quý III năm 2009, do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, chủ đầu tư mua đất san lấp chậm thanh toán, tình hình kinh doanh của Công ty Đ khó khăn, sắp thua lỗ nên từ năm 2011, Công ty Đ và Công ty T không còn hợp tác.

Năm 2014, cá nhân ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà T có mua lại trữ lượng đất tận thu từ mỏ đất của Hàm Q theo giấy Ủy quyền số 084/UQ.2014 ngày 15/8/2014 của Công ty TNHH Q, ông Nguyễn Văn Đ được liên hệ làm thủ tục xin phép và khai thác đất tận thu từ việc nạo vét quanh hầm. Do đó, số tiền mà Công ty T chuyển cho bà Nguyễn Thị Lệ T 250.000.000đồng vào ngày 24/3/2020 là tiền cá nhân vợ chồng ông Đ bán 261 xe ben đất tận thu tại hầm cho Công ty T, không liên quan đến công nợ hùn hạp giữa hai công ty, cũng không có việc chuyển nhằm. Do đó, đề nghị Tòa bác đơn của Công ty T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với bà Nguyễn Thị Lệ T về việc yêu cầu trả số tiền chuyển nhằm là 250.000.000đồng theo Phiếu chi ngày 24/3/2020 của Ngân hàng ABC.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần T yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T trả lại tiền lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chung của Công ty Cổ phần Đ với Công ty Cổ phần T với số tiền 418.871.500đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 10/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn kháng cáo đề ngày 05/8/2022 của Công ty Cổ phần T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa

án cấp phúc thẩm cải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Công ty Cổ phần T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Xuân L trình bày:

Giữa bà T với Công ty T và ông T không có hợp đồng, chứng từ giao dịch mua bán đất nhưng Tòa sơ thẩm cho rằng giữa bà T với Công ty T có giao dịch mua bán đất là suy diễn. Giấy ủy quyền ngày 15/8/2014 của Công ty Q cho ông Nguyễn Văn Đ là đại diện Công ty Q để khai thác đất tận thu chứ không phải của ông Đ nên ông Đ (chồng bà T) hay bà T cũng không có quyền đứng ra bán cho Công ty T. Chứng cứ bị đơn cung cấp chỉ là bản pho to, lời khai của ông Phan Văn L không có chứng cứ chứng minh nên không thể chấp nhận trong khi Tòa sơ thẩm bỏ qua chứng cứ của nguyên đơn là đã khiếu nại việc chuyển tiền nhầm. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu do nhầm lẫn là còn thời hiệu nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu, xác định giao dịch chuyển tiền là vô hiệu, buộc bà T phải hoàn trả số tiền gốc và lãi (tính từ ngày 24/3/2020 đến ngày 24/11/2022) là 296 Tệu đồng.

Bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Lời khai của ông Phan Văn L – Chủ xe ben là do Tòa án tiến hành xác minh nên cho rằng không khách quan là không đúng. Nguyên đơn cho rằng khi chuyển tiền nhầm có trình báo với Công an xã, huyện nhưng không có gì chứng minh và bà T cũng không được công an mời làm việc. Việc hai bên không làm hợp đồng hoặc chứng từ mua bán là do khối lượng đất bán ít chỉ vài trăm xe đất tận thu nên bà trực tiếp giao dịch với ông T. Giấy ủy quyền ngày 15/8/2014 của Công ty Q cho ông Đ là việc thỏa thuận mua bán đất tận thu giữa Công ty Q với ông Đ (chồng bà), giao cho ông Đ có quyền khai thác đất tận thu tại hầm đất của Công ty Q. Vì vậy bà không đồng ý với lời trình bày của ông L, yêu cầu bác kháng cáo của Công ty T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Nguyên đơn kháng cáo cho rằng giữa bà T với Công ty T không có hợp đồng mua bán đất tận thu nên việc Công ty chuyển tiền nhầm cho bà T thì bà T phải hoàn trả. Bà T cung cấp Giấy ủy quyền ngày 15/8/2014 của Công ty Q cho

ông Đ để chứng minh vợ chồng bà T ông Đ có kinh doanh mua bán đất hầm tận thu, cung cấp lời khai của ông L – Chủ xe ben xác nhận bà T có mua bán đất tận thu.

Xét phiếu chi Công ty T chuyển tiền cho bà T có nội dung chuyển tiền mua đất, Công ty cho rằng chuyển nhằm nhưng không thông báo ngay cho ngân hàng, không trình báo cho cơ quan có thẩm quyền yêu cầu lập biên bản xác nhận có sự việc trình báo chuyển tiền nhằm. Vài tháng sau khi ông Nguyễn Văn T, Công ty T khởi kiện ông Đ, bà T và Công ty Đ tranh chấp về hợp đồng góp vốn kinh doanh thì mới nài ra vấn đề chuyển nhằm tiền là không hợp lý. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của Công ty T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án Tụ tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Công ty T kháng cáo cho rằng giữa Công ty với bà T không có giao dịch mua bán đất hầm tận thu nên việc vào ngày 24/3/2020 Công ty chuyển vào tài khoản của bà T 250 Tệu đồng là chuyển nhằm nên yêu cầu Tòa án xác định giao dịch chuyển tiền này là vô hiệu do nhằm lẫn và buộc bà T phải hoàn trả 250 Tệu đồng và khoản lãi (tính từ ngày 24/3/2020 đến ngày 24/11/2022) là 46 Tệu đồng, tổng cộng là 296 Tệu đồng. Bà T cho rằng giữa hai bên có giao dịch bằng lời nói mua bán đất hầm tận thu vì số lượng ít, việc Công ty T chuyển tiền vào tài khoản của bà là thanh toán tiền mua bán đất hầm tận thu với số lượng 261 xe ben, không có sự việc chuyển tiền nhằm nên không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Xét kháng cáo của Công ty T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2014 của Công ty Q ủy quyền cho ông Đ có nội dung là ông Đ được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để khai thác đất tận thu tại hầm đất của Công ty Q. Lời khai của ông Phan Văn L, là chủ xe ben gần Hầm Q xác nhận ông L là người cho ông Đ bà T thuê bãi chứa để chứa đất tận thu chờ đến từ việc nạo vét hầm đất Q và đồng thời chờ thuê cho ông Đ bà T bán đất cho nhiều cá nhân, tổ chức khác trong đó có ông Nguyễn Văn T để san lấp các khu, cụm công nghiệp trong huyện. Do đó có cơ sở xác định vợ chồng bà T ông Đ có kinh doanh mua bán đất hầm tận thu và lời khai của bà T rằng có bán đất cho Công ty T do ông T làm đại diện với số lượng ít thì thỏa thuận đưa xe đến bãi đất chờ đi, không cần làm hợp đồng là có cơ sở. Tình tiết

này phù hợp với lời khai của Công ty Đ rằng trong các năm 2015, năm 2016, ông T đại diện Công ty T cũng nhiều lần mua đất nhỏ lẻ của bà T rồi đem san lấp mà không làm hợp đồng, hàng tháng đều ngồi lại để trả tiền mặt đầy đủ.

[6] Xét thấy, ngay trước khi chuyển tiền đơn vị trả tiền luôn kiểm tra thông tin của đơn vị thụ hưởng, trường hợp có việc chuyển nhầm thì đơn vị trả tiền phải báo ngay cho ngân hàng thực hiện việc chi trả nhưng Công ty T không có thông báo hay phản hồi gì với Ngân hàng Á Châu về việc chuyển nhầm tiền này trong ngày 24/3/2020. Cũng trong ngày này hoặc một vài ngày sau đó Công ty T cũng không trình báo với cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền để can thiệp việc chuyển nhầm tiền này. Chỉ khi phát sinh tranh chấp giữa hai bên vài tháng sau đó trong vụ án về quyết toán tiền hợp tác kinh doanh thì Công ty T mới đề cập việc chuyển nhầm tiền là không phù hợp, không có cơ sở.

[7] Vì vậy bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Công ty T phải chịu án phí phúc thẩm do không được chấp nhận kháng cáo.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 105/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 122, 126, 163, 164, 165, 166, 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T trả số tiền là 287.700.000 đồng (gồm tiền gốc 250.000.000 đồng theo Phiếu chi ngày 24/3/2020 của Ngân hàng ABC và tiền lãi phát sinh là 37.700.000 đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần T yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T trả lại tiền lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chung của Công ty Cổ phần Đ với Công ty Cổ phần T với số tiền 418.871.500 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu tiền án phí dân sự sơ

thảm là 14.385.000 đồng (Mười bốn Tệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

4. Về án phí phúc thảm: Công ty Cổ phần T phải chịu tiền án phí phúc thảm là 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thảm đã nộp theo biên lai thu số 0011474 ngày 10/8/2022 của Chi cục thi hành án huyện Đ; Công ty T nộp đủ án phí dân sự phúc thảm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thảm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc